

Nhớ về một chuyến đi

Thế Nhân

Cộng đồng tỵ nạn V.N. khắp nơi trên thế giới vừa rầm rộ tổ chức kỷ niệm 30 năm định cư trên xứ người. Sự kiện này đã tác động sâu xa đến đời sống tình cảm của tôi và đã gọi lại trong tôi biết bao nhiêu kỷ niệm của một lần ra đi đầy gian nguy, khổ ải; nhưng cuối cùng cũng đã mở đầu cho con đường tươi đẹp, hạnh phúc của gia đình tôi được định cư tại đất nước tự do như nước Úc thân yêu này.

Ngạn

ngữ Pháp có câu:

“Partir c’est mourir un peu”.

Sự ra đi nào thường cũng gây ra đau buồn cho cả người đi lẫn kẻ ở lại. Thế nhưng lần bỏ nước ra đi của tôi không phải chỉ “chết một chút” mà thực sự là một nỗi bất hạnh lớn, một sự

tan nát cả cõi lòng. Tôi ra đi ngoài việc bỏ lại sau lưng đất nước thân yêu, trong đó có mồ mả tổ tiên, có họ hàng, bạn bè và nhiều kỷ niệm của cả nửa cuộc đời; tôi còn chịu đau khổ hơn nữa vì phải bỏ lại người vợ trẻ yếu đuối và hai con thơ dại, mà đứa nhỏ nhất, lúc đó vừa tròn ba tuổi.

Trong đời tôi, việc bỏ lại vợ con lúc gia đình đang xum vầy là một quyết định khó khăn và đau đớn nhất. Phải bỏ lại vợ con trong tình trạng người đi không biết sẽ sống chết thế nào; và người ở lại liệu còn dịp nào đoàn tụ với người đi hay không?

Thật sự, sau mấy lần ra đi gặp thất bại, tôi không mấy tin tưởng ở lần ra đi này, mặc dù biết họ tổ chức thật chứ không phải bọn lường gạt. Tôi không biết một chút gì về việc tổ chức của chuyến

đi. Thôi thì trong tình thế khốn quẫn, tôi đành mang tâm trạng như nàng Kiều của cụ Nguyễn Du:

*Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Thử xem con Tào xoay vắn đến đâu !*

Ai cũng chỉ phải chết có một lần thôi!

Ra đi, tôi mang theo đứa con trai 8 tuổi, từ già vợ con lúc nửa đêm để đạp xe chở con tới chỗ một ngôi nhà “úm” (tiếng để gọi chỗ giấu nhóm người vượt biên) bên Khánh Hội. Đó là đêm khuya 9/9/80 là thời điểm mà các trường ở V.N. bắt đầu khai giảng năm học mới. Tôi phải tìm hết cách đánh lừa ban Giám Hiệu để khỏi phải làm chủ nhiệm lớp và trường không nghi ngờ khi tôi vắng mặt.

Tối nhà “úm”, bố con tôi được dẫn vào một căn phòng sâu phía sau nhà, cạnh một chuồng heo nái. Suốt ngày hôm đó, từng tốp rồi từng tốp được dẫn vào phòng. Chủ nhà dặn chúng tôi không được nói chuyện, phải đi chân đất thật nhẹ nhàng và hạn chế

đi lại nhiều. Đến tối thì căn phòng đã đầy người. Chủ nhà dọn cơm cho mọi người ăn. Chúng tôi phải và cơm thật nhẹ nhàng, không được khua thìa gây tiếng động để hàng xóm khỏi nghi ngờ. Tuy đã giữ kín tối đa như vậy mà có lúc tôi nghe loáng thoáng người hàng xóm hỏi chủ nhà: “hình như hôm nay bên ông có bà con từ xa đến chơi thì phải?” Chủ nhà chối rồi nói lảng sang chuyện khác. Thấy vậy chúng tôi ngừng ăn, nhìn nhau e ngại và im bặt mọi tiếng động. Tôi đoán chừng lối xóm đã nhìn thấy một số người bước vào nhà rồi, nhưng may mắn là họ đã không báo cáo phường khóm.

Ăn xong cơm tối, mọi người chuẩn bị tinh thần ngồi chờ “taxi” tới đón. Đêm đó trời mưa tầm tã, bên ngoài trời tối đen như mực nên không



sợ lối xóm ra vào trông thấy sinh hoạt sắp tới của đoàn người chúng tôi, ước khoảng 30 người lớn bé. Độ 10 giờ tối, ban tổ chức báo tin taxi tới và mọi người phải đi hàng một lên taxi mỗi người cách nhau 2m.

Chúng tôi hối hả ra taxi (một chiếc ghe nhỏ) mà tim trong lồng ngực đập loạn xạ như đang chạy đua nước rút! Mọi người phải ngồi ép sát nhau trong lòng ghe chật chội mới đủ chỗ. Trên đầu chúng tôi có lớp lá dày ngụy trang và nước mưa đang rơi xối xả trên đó. Tài công lợi xuống nước kéo ghe từ từ ra thật xa khu nhà ở, rồi mới dám leo lên ghe cho nổ máy hối hả chạy. Ghe chạy suốt đêm, không ai ngủ được. Lúc trời sáng rõ, ghe chúng tôi mới chạy từ từ lại và hình như chủ ghe đang tìm chỗ để đậu lại.

Độ hơn 1 giờ sau, ghe đậu lại bên bờ sông và chủ ghe yêu cầu bà con xuống một khoảng đất rộng hoang vắng cây cối mọc thưa thớt. Mới đầu, mọi người còn ngần ngại chỗ lạ nên không muốn xuống. Cũng còn nỗi lo sợ chủ ghe lừa khách xuống rồi bỏ chạy luôn. Sau khi chủ ghe trấn an và có lẽ bị ngồi bó gối lâu trong ghe, muốn xuống chỗ thoáng khí cho khoẻ khoắn hơn nên mọi người tuân tị xuống ghe, lên bãi đất trống rồi kiếm các lùm cây ẩn náu và cùng nhau bày đồ ăn ra ăn bữa sáng. Chúng tôi được báo tin đây là bãi đỗ khách đi để chờ “cá lớn” đến đón. Bãi này thuộc địa phận Cần Giỏi, gần Vũng Tàu.

Đột nhiên, lúc 1 giờ trưa, tôi thấy mọi người nhốn nháo sợ hãi ngồi tụ lại từng nhóm và mặt cúi gằm xuống đất. Đang ngơ ngác tìm hiểu nguyên nhân thì tôi thấy một nhóm đàn ông 6 người lạ mặt từ mé sông đi vào. Họ mặc quần áo của giới lao động không đồng nhất. Họ đến nhìn tận mặt từng nhóm chúng tôi rồi cất tiếng chào hỏi: “Chào bà con ở đâu tới đây? Tổ chức nào đưa tới? Bà con có cần chúng tôi giúp đỡ gì không?” Mọi người tái mặt và “câm như hến” vì biết bị bại lộ rồi. Lúc đó, ban tổ chức không ai có mặt để điều đình với họ. Cũng may có mấy ông trong nhóm vượt biên hội ý nhau gấp rút rồi ra mặt điều đình với họ để mặc cả số tiền “biểu” họ và yêu cầu họ im lặng, không báo Công an.

Thấy bọn họ đứng thảo luận ở phía xa, tôi vội móc một số giấy tờ lý lịch của mình thời V.N.C.H. ra xé vụn rồi vùi sâu xuống vùng bùn nước bên chỗ đang ngồi.

Mãi tới khoảng 5 giờ chiều việc điều đình mới xong. Họ đòi 3000 đồng, nhưng sau một hồi quỳên góp chỉ được 2500 đồng nên phải năn nỉ lắm bọn họ mới chịu nhận tiền. Đến lúc này mà bà con còn tiếc nữ trang và Đô la không chịu nhả ra để thoát hiểm! Tôi chỉ có 20 Đô la nhét vào ống kem đánh răng để tới đảo gửi điện tín báo tin cho vợ thôi. Đưa tiền xong vẫn sợ họ vừa lấy tiền vừa báo Công an để lập công nên điều đình yêu cầu 6 người ở lại tới khi taxi tới đón hết khách đi nơi khác. Đám họ không chịu, dọa rằng nếu ở lại thì người nhà có thể báo tin Công an để tìm họ thì cũng sẽ bị lộ. Cuối cùng, đành để họ ra về mà trong lòng mọi người đều run sợ. Sau đó, hai ghe quay lại đón hết mọi người lên rồi trốn vội đi nơi khác. Suốt đêm đó, hai ghe kiếm chỗ nép vào một bờ sông, dưới lùm cây rậm rạp để tránh tàu tuần. Một ít người có mang theo thức ăn vội lấy ra ăn qua loa cho đỡ đói. Còn bố con tôi không có nên đành nhịn đói. Tội nghiệp con tôi mới tám tuổi, đói mà không dám kêu ca gì, riêng tôi nỗi lo âu tràn ngập nên không còn tâm trí đâu nghĩ tới cơn đói nữa.

Tàu tuần của Công an Biên phòng Duyên Hải sục sạo suốt đêm ở gần chỗ chúng tôi ẩn nấp. Có lúc tàu đó đến rất gần, tiếng máy tàu nghe thật rõ bên tai và đèn pha quét sáng ra tứ phía. Trên ghe tôi có nhiều trẻ em, đứa nhỏ nhất mới 2 tháng. Mọi người sợ nó khóc sẽ bị tù cả đám nên hối thúc mẹ nó cho nó uống thuốc ngủ. Đêm khuya thanh vắng như vậy, nếu trẻ cất tiếng khóc thì gió sẽ đưa âm thanh đi thật xa và chắc chắn tàu tuần sẽ nghe thấy! Thế nhưng không có thuốc ngủ! Mọi người hối mẹ nó nhét vú vào miệng cho nó không khóc rồi ai nấy hồi hộp chờ nghe tiếng khóc đứa bé ré lên rồi cả đám đưa nhau vào tù! Nhưng có lẽ ghe tôi được Trời Phật cứu độ sao đó mà suốt đêm nó không khóc tiếng nào, và trong suốt ngày hôm sau chạy trốn cũng vậy. Mô Phật!

Sáng sớm hôm sau, mọi người được lệnh phải nằm ép xuống ván ghe. Thỉnh thoảng tôi ngước nhìn lên chỉ thấy mảng trời xanh đang chạy trên đầu mình khi ghe di chuyển trên sông nước. Người lái ghe đứng một mình phía trên thỉnh thoảng trả lời mấy câu hỏi của các ghe chạy ngược chiều. Có một ghe hỏi thăm về nhóm tôi bị kẹt trên bãi chiều hôm trước, nhưng chủ ghe giả bộ

không hiểu gì cả. Có lẽ bọn này định kiếm nhóm tôi để làm tiền nữa!

Suốt ngày hôm đó, hai ghe nối đuôi nhau chạy vòng vòng chờ “cá lớn” đón để ra khơi. Đến gần tối cũng không có tin tức gì về “cá lớn” (ghé vượt biên). Ban tổ chức cũng bật tầm hơi nên mọi người nhốn nháo, thất vọng, yêu cầu chủ ghe kiểm giúp mấy ghe nhỏ để ai muốn về lại Saigon thì về ngay cho kịp trước khi hôm sau trời sáng. Bố con tôi không biết tính sao: Tiền mặt không có nhiều, định lấy cái nhẫn 1 chỉ vàng đeo tay ra mặc cả rồi xin trả thêm sau. Đang lúc dưng dưng đó thì một ghe nhỏ từ xa phóng nhanh tới. Gần tới nơi mới biết là ghe liên lạc của tổ chức. Họ cho biết “cá lớn” sẽ ra đón tối nay và yêu cầu hai ghe chúng tôi ra xa bờ thêm nữa rồi nằm chờ đó. Họ phát cho mỗi người một nắm cơm nhỏ không có thức ăn. Lúc đó đã bị bỏ đói hơn một ngày rồi nên mọi người ăn thật ngon lành. Tôi chỉ dám ăn 1/2 nắm cơm, dành nửa còn lại cho con đêm khuya sẽ ăn trước lúc ra khơi.

Ghe nhỏ đi trước hướng dẫn hai ghe sau một đoạn đường rồi chạy mất dạng. Hai ghe tiếp tục chạy thêm một đoạn ngắn nữa rồi mới ngừng hẳn. Trong lúc di chuyển, mấy lần ghe tôi chút xíu nữa thì bị lộ vì có ghe đánh cá quốc doanh (trên đó có công an đi kèm) ở ngoài khơi trở vào bờ. Họ đi rất gần ghe chúng tôi và có lên tiếng hỏi. Lúc đó trời rất tối, ghe không dám lên đèn và chúng tôi thì nép mình sát dưới sàn ghe. Rất may tàu quốc doanh không dừng lại khám xét và con nít trên ghe tôi lúc bấy giờ cũng không khóc! Ghe bỏ neo xong, mọi người yên chí chắc sẽ lên được cá lớn đón đi nên đem thuốc say sóng ra uống, rồi ngủ ngời la liệt. Khoảng 11 giờ khuya, vài người bừng tỉnh dậy thấy bốn bề yên lặng, chẳng thấy bóng dáng cá lớn đâu cả nên hết hoảng đánh thức tài công và mọi người dậy rồi đòi tài công quay ghe vào lại phía trong để tìm đường trở về Saigon trước khi trời sáng lại.

May thay! Tài công vừa nổ máy và bắt đầu quay mũi ghe vào phía bờ thì chợt nghe có tiếng máy tàu từ xa vọng tới, mỗi lúc một gần. Ngay sau đó, nhóm thủy thủ đoàn trên ghe kêu lên mừng rỡ: “cá lớn tới!” Tiếng kêu mà mọi người đều trông đợi. Nếu cá lớn tới trễ độ 5, 10 phút sau thì không thể nào tìm thấy ghe chúng tôi nữa!

Cá lớn cặp sát ghe chúng tôi. Mọi người ồn ào giành nhau lên cá lớn. Tôi vội đẩy con lên trước rồi lên theo. Bố con tôi bị dồn xuống hầm ghe và ngồi bó gối bên các người khác. Khách vừa lên ghe xong là ghe quay đầu ra khơi xả hết ga chạy thực mạng! Đó là lúc 11 giờ 30 khuya ngày 11 tháng 9 năm 80, sau 2 ngày đêm chạy trốn và mỗi chúng tôi chỉ được một nắm cơm nhỏ!

Tàu chạy độ 2 giờ thì mọi người được báo động nước tràn vào ghe, kêu gọi tát nước ra bằng tay vì không có máy bơm nước. Tôi là người bị chỉ định xuống tát nước đầu tiên vì chưa bị say sóng. Trong lúc đó nhiều thanh niên thiếu nữ khác nằm la liệt không chịu tát nước, chẳng biết họ say sóng thực hay chỉ giả vờ! Tàu chạy trong mưa to, sóng lớn giữa đêm khuya tối tăm mịt mù! Tôi có cảm tưởng mình đang đi vào cõi chết! Ngay lúc này có một tàu từ xa như đuổi theo ghe chúng tôi. Tàu đó chạy rất nhanh, thoáng cái đã gần tới ghe tôi. Mọi người cúi đầu rạp xuống thật thấp để tránh tầm nhìn của tàu lạ. Chỉ có tài công mặc áo mưa đứng phía trên lái ghe thôi. Tàu lạ pha đèn chiếu sáng cả ghe tôi một lát rồi thỉnh thoảng đổi hướng, chạy thẳng. Mọi người thở phào nhẹ nhõm! Sáng sớm 12/9 lúc trời còn tối, ghe tôi lạc vào vùng Côn Đảo bị đèn pha hải quân chiếu ra khiến tài công hoảng sợ lại đổi hướng ghe chạy thực mạng. Thân ghe rung chuyển dữ dội và nước tràn vào thật nhiều khiến mọi người bị ướt hết. May mà tàu Hải quân không đuổi hay dàn hàng ngang chặn bắt chúng tôi. Ngày 13/9 ghe tôi tới hải phận quốc tế. Lúc này ít còn sợ tàu tuần tiễu, nhưng lại sợ gặp tàu các nước Cộng Sản (đặc biệt là tàu Liên-Xô) bắt gặp là kéo trở vào. Ghe tôi gặp trên 10 tàu lớn, nhưng không tàu nào chịu ngừng lại cứu chúng tôi. Họ chỉ vẫy chào rồi chạy thẳng! Tài công sai lầm lớn khi chỉ chạy tìm các tàu lạ xin cứu mà bỏ mất hướng đi ban đầu. Khoảng 8 giờ tối 14/9, tài công thấy một lò xo của đầu máy bị gãy. Anh tắt máy để sửa. Ghe ngừng chạy nên bị sóng nhồi đủ dội; tuy có thả neo nhưng sóng vẫn đưa ghe trôi xa chỗ đậu trước. Sửa xong thì máy không nổ lại vì bị nước biển tràn vào ống bơm và máy. Mọi người thi nhau ói mửa dù trong bao tử chẳng còn gì! Tôi và mấy người khác cố gắng tát nước ra liên tay mà nước vào ghe càng lúc càng nhiều. Nhóm thợ xúm vào sửa mà máy vẫn không chịu nổ. Sửa lâu cả 3 giờ đồng hồ!

Tát nước một hồi quá mệt, mồ hôi ướt đầm áo tôi, dù ngoài trời gió biển lạnh. Đổ tay tát nước cho người khác, tôi lần lên boong của ghe cho bớt ngộp. Trên boong tôi thấy một nhóm người đang căng một miếng vải trắng nhỏ trên đó có sơn mấy chữ S.O.S. rồi dùng đèn chiếu lên miếng vải với hy vọng tàu biển nhìn thấy mà lại cứu. Tôi ngó quanh trên mặt biển mênh mông và tối đen, chỉ thấy chấm sáng nhỏ như những ngôi sao nhỏ thấy trên bầu trời. Tôi đoán đó là đèn trên các tàu biển. Tàu họ to như vậy mà nhìn chỉ thấy như một chấm sáng thì miếng vải trắng nhỏ bé kia làm sao họ thấy được?! Trong đầu tôi chợt nảy ra một ý nghĩ và tôi gấp rút thực hiện liền: phải dùng đèn pha đánh morse như các tàu biển thường làm. Tôi còn nhớ morse nhờ mấy lần đi cắm trại trong phong trào “cán bộ học đường” của thập niên 1950 tại Huế. Tôi nói người cầm đèn chớp đèn theo tín hiệu morse chữ S.O.S. tức là . . . - - - . . . Phải mất 15 phút sau người cầm đèn mới bấm tạm đúng nhịp. Nhắm một đốm sáng gần nhất mà nháy đèn như vậy. Tàu đó nháy đèn lại và lập tức tiến gần lại hướng chúng tôi. Khi chỉ cách chúng tôi độ 600m họ chiếu đèn sang sáng ghe tôi. Bên này đàn bà và con nít đã được đưa cả lên boong, đàn ông lánh hết xuống dưới để hy vọng tàu lạ cứu vớt. Thế nhưng sau một hồi quan sát, tàu lùi lại và chạy đi mất! Và thế là chúng tôi thất vọng. Nhóm thợ máy kéo xuống hầm sửa máy tiếp. Phía trên người cầm đèn vẫn đánh morse kêu cứu. Một số tàu biển khác chạy lại gần ghe tôi rồi lại bỏ đi như tàu đầu tiên: Họ từ chối cứu người gặp nạn!

Sau hơn một giờ sửa máy, nhờ ý kiến của một bác sĩ trong nhóm hành khách, đề nghị dùng xăng đốt nóng bộ phận đánh lửa nên máy tàu nổ lại. Tàu kéo neo lên không được đành chặt đứt dây neo mà chạy. Tôi mệt quá ngồi chập chờn ngủ. Khoảng 1 giờ sáng, thỉnh thoảng có tiếng ồn ào trên boong bảo nhau lái ghe chạy tới một tàu đậu ở xa đang chớp đèn về hướng ghe chúng tôi. Phải tới 5 giờ 30 sáng thì ghe tôi mới tới sát tàu lạ được. Trông nó cao vợi vợi như một tòa nhà 5 tầng! Các thủy thủ kéo nhau đứng đầy boong tàu. Họ lao xao hỏi vọng xuống. Dưới ghe đàn bà và trẻ con lại được dồn lên boong và dạn dò nhau phải hết sức giữ trật tự để lấy cảm tình của tàu lạ. Nếu được tiếp tế đồ, phải chia cho trẻ em trước rồi mới tới người lớn. Sóng biển nhồi ghe chúng tôi lên xuống

dữ dội bên hông tàu lạ. Tôi nhìn ra hướng mũi tàu thấy ghi “J.Paul Getty” Thủy thủ trên tàu ném xuống một sợi dây chèo lớn và thật dài cho người ghe tôi nắm mà giữ ghe không bị sóng kéo ra xa tàu. Họ yêu cầu ghe tôi cử một đại diện lên tàu gặp thuyền trưởng. Họ thông thang dây xuống cho người đại diện leo lên. Người đại diện là một bác sĩ (nay định cư ở Queensland).

Chờ thật lâu mà không thấy người đại diện ra nên ghe tôi bàn nhau định phá hỏng ghe để được vớt. Việc chưa tiến hành thì may người đại diện ra với thuyền trưởng. Ông vội vàng lên tiếng ngăn cản vụ phá ghe và yêu cầu bình tĩnh chờ đợi quyết định của Ban Giám Đốc hãng tàu có trụ sở ở New York.

Hôm đó là 15/9/80, ngày sống lại của chúng tôi! Khoảng 11 giờ sáng có một máy bay quan sát bay lượn trên đầu chúng tôi. Nó bay thật sát xuống quan sát và chúng tôi được Thuyền trưởng cho biết máy bay từ căn cứ Hải quân Subic bay tới chụp hình ghe tôi theo lời yêu cầu của hãng ông. Lúc 11 giờ 30 một tin vui được truyền xuống: tất cả con nít và phụ nữ được lên boong tàu. Phe đàn ông phải chờ lệnh bên dưới. Tôi trao con trai cho một thủy thủ bế lên. Tội nghiệp thằng bé lả đi vì đói và say sóng nên không tự bước đi được. Tính ra, ba ngày đêm trên biển, mọi người chỉ được ăn 3 lần: lần đầu 1 chén cháo hoa với bí đỏ; lần kế là 2 muống cơm mà gạo còn sống và lần cuối chỉ có nửa chén nước cháo (gạo còn sống nguyên không ăn được). Không thể nấu cơm được vì mưa gió to và sóng quá lớn.

Phụ nữ, trẻ con lên xong, còn lại cánh đàn ông ngồi chuyện vãn. Vài người nhảy xuống tắm nhưng tay phải bám chắc vào mép ghe. Thủy thủ trên boong vẫn cử người đứng trông chừng chúng tôi phòng có tai nạn. Trong nhóm tôi có người nảy ra ý kiến cột sợi dây chèo vào thanh gỗ cuối ghe thu ngắn nút cột lại để khi sóng kéo ghe xuống thì dít ghe bị nhấc hổng lên. Thanh gỗ muốn tách rời ra khiến thủy thủ bên trên kêu la báo động ầm ĩ. Người mang phao ra định ném xuống, kẻ chạy vào báo thuyền trưởng. Thế là họ được lệnh thả thang dây để cho chúng tôi leo cả lên boong tàu. Tiếp theo là thủ tục kiểm kê người, phát nhu yếu phẩm. . . Lúc này tôi mới rõ đây là tàu chở xăng dầu đi Okinawa của hãng tàu Mỹ mà thủy thủ đoàn toàn là người Ý. Chúng tôi thấy như

được cứu vớt từ cõi chết lên Thiên đàng! Và tới lúc này, tôi cảm nhận thật sự rời bỏ quê hương, bỏ vợ con và bỏ tất cả để lại làm lại một đời mới chắc chắn sẽ rất khó khăn, vất vả; nhưng bù lại chúng tôi sẽ được hưởng cuộc sống tự do đích thực mà phẩm giá con người được nâng cao và tôn trọng.

Thủy thủ đoàn Ý đối xử hết sức tử tế với chúng tôi; cho ăn uống ngon và đầy đủ; tối nào cũng chiếu movie cho xem trước giờ ngủ. Chúng tôi cũng được biết rằng ghe đã chạy lạc hướng quá xa, thay vì đi Mã Lai như dự định, thì nay đang ở gần hải phận Phi Luật Tân, vùng biển có nước sâu nhất và cách Mã Lai khoảng 900 km. Trên ghe kiểm lại có 90 người, nước uống còn chưa tới 100 lít, và ngày 16/9 vùng này bị bão, chúng tôi phải vào hết bên trong tàu. Nghĩa là nếu không được vớt hôm đó thì chúng tôi chắc chắn sẽ chết hết!

Ngày 25/9/80 lần đầu tiên chúng tôi đi chân đất lên đảo Okinawa của Nhật. Lúc đó trời vừa sập tối và vì mất hết giày dép nên với chân trần chúng tôi cảm nhận được cái hạnh phúc toàn vẹn của người được đặt chân lên miền đất của Tự do, dân chủ, tránh xa rồi những áp bức tàn bạo, bất công của nhà nước C.S.V.N.! Trên tay chúng tôi nhẹ tênh chẳng còn gì, biển lớn đã mang đi hết, chỉ còn vài cái áo quần và vài vật dụng cũ kỹ, nhỏ bé trên tay. Nhưng không hề gì, chúng tôi còn tay chân lành lặn, chúng tôi sẽ làm lại cuộc đời mới, chắc chắn là như vậy và phải làm bằng được!

Sau 6 tháng sống và làm việc tại trại Kominato thuộc tỉnh Chiba, bố con tôi lên máy bay đi định cư Sydney. Nhân viên Sứ quán Mỹ tại Tokyo có phỏng vấn và nhận cho cha con tôi đi Mỹ định cư, nhưng tôi đã khước từ vì nghĩ đến mối hận nước Mỹ đã bỏ rơi miền Nam khiến cho bao nhiêu người chết oan lúc cuộc chiến đã tàn, và nay tôi phải bỏ nước, bỏ cả vợ con ra đi.

Bố con tôi tại Sydney cố gắng hòa nhập vào cuộc sống của những di dân mới định cư: Tôi học Anh văn rồi kiếm việc làm ngay để nuôi con, để cứu giúp vợ con kẹt lại V.N.; làm quên cả thân mình, làm không ngừng nghỉ và sống thật tàn tiện khắc khổ để trả nợ cho chuyến đi, để cứu vợ con ra khỏi cảnh ngục tù C.S. Con trai tôi lại bắt đầu đời học sinh mới từ lớp Ba tiểu học. Cuộc sống vật chất đầy đủ của xứ Úc càng làm cho tôi thương xót vợ và hai con còn kẹt lại ở Việt Nam. Tôi hướng tất cả sức lực và tình thương về nơi đó. Tôi

ngày làm việc, đêm đêm cầu nguyện cho ngày đoàn tụ mà thời gian còn kéo dài không biết tới bao giờ?! Vợ con tôi bên kia bờ Thái Bình Dương cũng vậy: cầu nguyện, vững tin và chờ đợi.

Và lời khẩn cầu của gia đình tôi đã được Trời Phật đáp ứng: tôi được tin vợ con đã ra đi tháng 2/1982. Sau 1 tháng rưỡi hồi hộp chờ tin tức trong lo lắng tột cùng, ngày 26/3/82 lần đầu tiên được thư vợ báo tin đã bình yên tới được đảo Kuku, nước Indonésia. Cầm thư trên tay, tôi trào nước mắt và tưởng chừng mình đang nằm mơ. Tôi vâng vâng lá thư và biết chắc đây là sự thật! Thật không có nỗi vui mừng nào trong đời tôi lại to lớn như thế.

Thế là chắc chắn vợ chồng con cái tôi sẽ đoàn tụ tại nước Úc văn minh và vĩ đại này. Chắc chắn con cháu chúng tôi sẽ có một tương lai đầy tươi sáng mà ngày trước, khi còn kẹt ở V.N. chúng không dám mơ ước trở thành sự thật.

Bản thân tôi, tuy là một giáo sư dạy Việt văn trường Trung Học, nhưng tôi không có năng khiếu về thơ văn, nên chẳng mấy khi làm thơ; có chăng chỉ dạy học sinh làm thơ cho đúng niêm luật thôi. Ấy vậy mà trong ngày nhận được thư vợ báo tin, tôi đã làm ngay bài thơ kỷ niệm ghi lại tâm tư mình lúc đó. Nay nhân kể lại câu chuyện của lần đi này, cũng xin được ghi lại nơi đây kể như kỷ niệm của thời kỳ tìm đường vượt biển cách nay trên 20 năm. Dưới đây là bài thơ của tôi :

Tái ngộ

(Sydney 26/3/1982)

Nhận thư em trong một ngày nắng đẹp,

Ấm muôn loài và ấm cả lòng ta.

Em yêu ơi! đời là một bài ca,

Là mật ngọt, là hương thơm, muôn thuở!

Em thấy không? Tình yêu ta đã thắng,

Thắng bạo tàn và thắng cả thiên nhiên.

Vợ con ta, phải trả lại cho ta,

Cho ta dựng một tương lai vững chắc.

Các con ơi! Đời các con hoa mộng,

Hoa cuộc đời và mộng của tương lai.

Vui lên đi vì con có ngày mai.

Đời đáng sống vì tương lai con đẹp

Ơi vui sướng bỏ những ngày xa cách!

Bao ê chề, đau đớn, những ngày qua. . .

*Em đến gần thì chúng phải dời xa,
Để thêm đẹp cho tình ta mãi mãi. . .*

*Lòng tôi đây, hôm nay, ngày hội lớn,
Đang tung bừng vang dậy những lời ca,
Và gom đầy đủ cả sắc muôn hoa
Ngày tái ngộ, em ơi! Đời đẹp quá!*

Ba mươi năm sau, kể từ ngày mất nước, gia đình tôi đang được thở không khí tự do nơi đây, một miền Đất Hứa, một “Thiên Đường hạ giới”. Các con tôi được sống một cuộc đời có phẩm giá đầy đủ và ngày càng tiến lên để đem tài sức bồi đắp thêm cho quê hương mới ngày càng tươi đẹp.

Xin được muôn vàn cảm tạ công ơn Thủ Tướng Fraser và nhân dân Úc Đại Lợi đã mở rộng vòng tay, mở rộng tấm lòng, đón nhận, cứu mang những thuyền nhân tỵ nạn V.N. trong đó có gia đình tôi, các bạn bè và thân nhân của chúng tôi. Trong lòng tôi hiện nay chỉ còn một nguyện ước cuối cùng: Nguyện cầu toàn dân Việt còn sống trong nước sớm được hưởng niềm hạnh phúc như của gia đình tôi hiện nay. Mong lắm thay!

Thế Nhân

Viết tại Sydney,

Tháng 7, giữa mùa Đông 2005.